

MỘT SỐ DẪN LIỆU BƯỚC ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI GIÁP XÁC CHÂN KHÁC (GAMMARIDEA-AMPHIPODA) Ở VÙNG BIỂN VEN BỜ VIỆT NAM

LÊ HÙNG ANH, ĐẶNG NGỌC THANH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Bộ Giáp xác chân khác-Amphipoda trên thế giới đã ghi nhận khoảng hơn 5.700 loài của 1.060 giống thuộc phân bộ Gammaridea. Giáp xác chân khác có mặt ở nước ngọt (khoảng 1.200 loài và 235 giống), còn lại chiếm đa số là ở nước mặn, thấy ở các sinh cảnh như đầm phá, cửa sông, vũng vịnh, rạn san hô và vùng biển khơi... Giáp xác chân khác ở nước được phân biệt thành hai nhóm sinh thái cơ bản: nhóm sống trôi nổi trong tầng nước và nhóm sống ở đáy.

Qua cuộc khảo sát phối hợp giữa Mỹ và NAGA thực hiện tại biển nam Trung Hoa và vịnh Thái Lan năm 1959-1961 đã công bố 41 loài thuộc 10 họ của phân bộ Gammaridea-Amphipoda.

Trong cơ sở dữ liệu về khu hệ Amphipoda ở biển Thái Lan và Philippin, Roy Oleröd (1969) đã công bố 9 loài trong đó có 3 loài mới cho khoa học, thấy ở vùng biển ven bờ Thái Lan. Somchai Bussarawich và cộng sự (1984) đã cho biết có ít nhất 30 loài thuộc 11 họ đã được xác định ở vùng biển quanh đảo Phuket (Andaman-Thái Lan), trong đó, họ Ampeliscidae có số loài nhiều nhất. J. K. Lowry (2000), đã thống kê thành phần loài thuộc Gammaridea, Amphipoda ở vùng biển khu vực Đông Nam Á (Nam Trung Quốc, Hồng Kông, Nam Việt Nam và Philippin) gồm 48 họ, 113 giống và 272 loài. Trong đó Nam Trung Quốc là 31 họ, 67 giống và 153 loài.

Tập hợp các nghiên cứu của Dawydoff (1952), Imbach (1967), Đặng Ngọc Thanh (1968) và Margulis (1968) ở vùng biển Việt Nam, đã thống kê được 71 loài thuộc Amphipoda-Gammaridea.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu ngoài thực địa

- Thực hiện điều tra khảo sát, thu mẫu Amphipoda tại một số các sinh cảnh ven biển tiêu biểu ở phía bắc và ở phía nam.
- Chụp ảnh, quan sát, ghi chép các thông tin liên quan.
- Xử lý và bảo quản vật mẫu Amphipoda bằng foocmalin 4% hoặc bằng cồn 96°.
- Thu thập mẫu có sẵn ở các bảo tàng (Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Tài nguyên và Môi trường biển Hải Phòng), Trung tâm nghiên cứu an toàn dầu khí TP. HCM

2. Nghiên cứu trong phòng thí nghiệm.

- Phân tích, định loại được tiến hành theo nguyên tắc phân loại Amphipoda-Gammaridea của các tác giả trong và ngoài nước.
- Định tên loài: mẫu thu về được mô tả cụ thể các đặc điểm cần thiết cho định loại, chủ yếu là các đặc điểm về hình thái theo các tài liệu chuyên môn.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả tổng hợp và phân tích mẫu đã xác định được 90 loài, 43 giống và 20 họ thuộc phân bộ Gammaridea-Amphipoda. Trong số 20 họ: 10 họ có 1 giống chiếm 50%, 4 họ có 2 giống chiếm 20%, 3 họ có 3 giống chiếm 15%, 2 họ có 4 giống chiếm 10% và 1 họ có 7 giống chiếm

5%. Họ Ampeliscidae có số lượng loài nhiều nhất (30 loài) và chiếm ưu thế nhất (chiếm 33% tổng số loài).

Bảng 1

Danh lục thành phần loài Amphipoda-Gammaridae xác định được ở Việt Nam

Tên khoa học	1	2	3	4	5	Phân bố
Bộ Amphipoda						
Phân bộ Gammaridea						
Ampeliscidae						(2 giống, 30 loài)
<i>Ampelisca bocki</i> Dahl			X		X	Đông Bắc; Hải Phòng, Thái Bình, Vũng Tàu, Nha Trang
<i>Ampelisca brevicornis</i> (Costa)			X		X	Đông Bắc; Hải Phòng, Thái Bình, Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Ampelisca chinensis</i> Imbach			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Ampelisca cyclops</i> Walker			X		X	Đông Bắc; Hải Phòng, Thái Bình, Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Ampelisca miops</i> Barnard				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca maia</i> Imbach			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Ampelisca miharaensis</i> Nagata			X	X	X	Hải Phòng, Thái Bình, Vũng Tàu
<i>Ampelisca misakiensis</i> Dahl			X		X	Hải Phòng, Thái Bình, Nha Trang
<i>Ampelisca orops</i> Imbach			X		X	Hải Phòng, Thái Bình, Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Ampelisca iyoensis</i> Nagata					X	Hải Phòng, Thái Bình
<i>Ampelisca honmugensis</i> Imbach			X		X	Hải Phòng, Nha Trang
<i>Ampelisca zamboangae</i> Stebling					X	Vũng Tàu
<i>Ampelisca stenopus</i> Schellenberg				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca naikaiensis</i> Nagata				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca fureigera</i> Bulychева				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca latifrons</i> Schellenberg				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca hupferi</i> Schellenberg				X		Nam Việt Nam
<i>Ampelisca tridens</i> Wald		X				Nam Việt Nam
<i>Byblis calisto</i> Imbach			X		X	Hải Phòng, Thái Bình, Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Byblis febris</i> Imbach			X			Nha Trang
<i>Byblis io</i> Imbach			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Byblis pilosa</i> Imbach			X		X	Vũng Tàu, Nha Trang, Nam Việt Nam
<i>Byblis rhinoceros</i> Pirlot				X	X	Vũng Tàu, Nam Việt Nam
<i>Byblis mucronata</i> Pirlot				X		Nam Việt Nam
<i>Byblis kallarthra</i> Stebbing				X		Nam Việt Nam
<i>Byblis serrata</i> Smith				X		Nam Việt Nam

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ HAI

Tên khoa học	1	2	3	4	5	Phân bố
<i>Byblis plumosa</i> Margulis				X	X	Hải Phòng, Nam Việt Nam
<i>Byblis brachyura</i> Margulis				X	X	Hải Phòng, Thái Bình, Vũng Tàu, Nam Việt Nam
<i>Byblis verae</i> Margulis				X		Nam Việt Nam
<i>Byblis pirloti</i> Margulis				X	X	Vũng Tàu, Nam Việt Nam
Họ Urothoidae						(1 giống, 6 loài)
<i>Urothoe carda</i> Imbach			X			Nha Trang
<i>Urothoe cuspidata</i> Imbach			X		X	Nha Trang
<i>Urothoe gelasima</i> Imbach			X		X	Nha Trang
<i>Urothoe orientalis</i> Gurjanova			X		X	Nha Trang
<i>Urothoe grimaldii</i>					X	Vũng Tàu
<i>Urothoe spinidigitus</i> Walker			X			Nha Trang
Họ Haustoriidae						(1 giống, 1 loài)
<i>Eohaustorius tandeensis</i> Dang	X					Bắc VN: Hà Nam, Thái Bình, Nam Định
Họ Leucothoidae						(1 giống, 2 loài)
<i>Leucothoe alcyone</i> Imbach			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Leucothoe furina</i> (Savigny)			X			Nha Trang
Họ Liljeborgiidae						(1 giống, 4 loài)
<i>Idunella janisae</i> Imbach			X		X	Tiên Lãng-Hải Phòng, Nha Trang
<i>Idunella pauli</i> Imbach			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Idunella serra</i> Imbach			X			Nha Trang
<i>Idunella</i> sp.					X	Hải Phòng
Họ Oedicerotidae						(3 giống, 4 loài)
<i>Oediceroides ornithorhynchus</i> Pirlot			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Oediceroides genus species</i>			X			Nha Trang
<i>Synchelidium miraculum</i> Imbach			X		X	Vũng Tàu, Thái Bình, Nha Trang
<i>Metoediceropsis dadoensis</i> Dang	X					Hải Dương
Họ Melitidae						(4 giống, 6 loài)
<i>Melita vietnamica</i> Dang	X					Thanh Hoá
<i>Ceradocus laevis</i> Roy Oleröd		X			X	Nha Trang
<i>Ceradocus capensis</i>		X			X	Nha Trang
<i>Eriopisa elongata</i> (Bruzellius)			X		X	Hải Phòng, Thái Bình; Nha Trang
<i>Eriopisa ovata</i> Dang et Le sp. nov.					X	Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hoá
<i>Eriopisella propagatio</i> Imbach			X			Nha Trang
Họ Megaluropidae						(1 giống, 1 loài)
<i>Megaluropus agilis</i> Hoek			X			Nha Trang
Họ Gammaridae						(3 giống, 5 loài)

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ HAI

Tên khoa học	1	2	3	4	5	Phân bố
<i>Lembos podoceroideus</i> Walker		X				Nam Việt Nam
<i>Maera rubromaculata</i> St.					X	Sơn Hải-Nha Trang
<i>Maera suyssimana</i> (Costa)		X				Nam Việt Nam
<i>Maera insignis</i> (Chevreux)					X	Ninh Thuận
<i>Pareiasmopus subluensis</i> Dana		X				Nam Việt Nam
Họ Isaeidae						(7 giống, 10 loài)
<i>Cheiriphotis megacheles</i> (Giles)			X		X	Nha Trang, Vũng Tàu
<i>Photis</i> sp. A			X			Nha Trang
<i>Photis</i> sp. B			X			Nha Trang
<i>Gammaropsis</i> sp.					X	Vũng Tàu
Họ Lysianassidae						(4 giống, 5 loài)
<i>Lysianassa cinghalensis</i> (Stebbing)			X			Nha Trang
<i>Lysianassa</i> sp.					X	Vũng Tàu
<i>Lepidepecreum nudum</i> Imbach			X		X	Vũng Tàu, Nha Trang
<i>Socanes dissimulantia</i> Imbach			X			Nha Trang
<i>Paragrubia vadosa</i> Chevreuxi		X				Nam Việt Nam
Họ Amphithoidae						(2 giống, 4 loài)
<i>Cymadusa vadosa</i> Imbach			X		X	Sơn Hải-Nha Trang
<i>Cymadusa imbroglia</i> Rabindranath			X		X	Sơn Hải-Nha Trang
<i>Cymadusa</i> sp.					X	Sơn Hải-Nha Trang
<i>Amphithoe intermedia</i> Walker		X				Nam Việt Nam
Họ Hyalidae						(2 giống, 3 loài)
<i>Hyale</i> sp.1					X	Nha Trang, Tuy Hoà-Phú Yên, Hàm Tân-Bình Thuận, Quảng Nam, Bình Định, Kiên Giang
<i>Hyale</i> sp.2					X	Mộ Đức-Quảng Ngãi
<i>Parahyale hawaiiensis</i> Dana	X				X	Hà Nam, Thanh Hoá, Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Nam, Sơn Hải-Nha Trang
Họ Talitridae						(3 giống, 3 loài)
<i>Orchestia platensis</i> Kroyer				X		Nha Trang
<i>Platorchestia</i> sp.					X	Kiên Giang, Phú Yên, Quảng Ngãi
<i>Floresorchestia</i> sp.					X	Tuy Hoà, Thu Bồn-Cửa Đại, Mộ Đức, Sa Huỳnh, Bình Định, Hàm Tân-Bình Thuận
Họ Corophiidae						(1 giống, 2 loài)
<i>Corophium minutum</i> Dang	X				X	Bắc Việt Nam: Tiên Lãng-Hải Phòng
<i>Corophium intermedium</i> Dang	X				X	Bắc Việt Nam: Thái Thụy-Thái Bình
Họ Aoridae						(1 giống, 3 loài)
<i>Grandierella vietnamica</i> Dang	X					Bắc Việt Nam

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ HAI

Tên khoa học	1	2	3	4	5	Phân bố
<i>Grandidierella gilesi</i> Chilton			X		X	Hải Dương, Hải Vân-Đà Nẵng, Nha Trang
<i>Grandidierella</i> sp.					X	Nam Ô, Hải Vân-Đà Nẵng
Họ Kamakidae						(1 giống, 2 loài)
<i>Kamaka palmata</i> Dang	X				X	Bắc Việt Nam, Nha Trang
<i>Kamaka</i> sp.					X	Ninh Thuận, Nha Trang
Họ Phoxocephalidae						(2 giống, 2 loài)
<i>Vietophoxus longirostris</i> Dang et Le sp. nov.					X	Vũng Tàu
<i>Indophoxus curvirostris</i> Dang et Le sp. nov.					X	Ninh Thuận, Vũng Tàu
Họ Eusiridae						(1 giống, 1 loài)
<i>Pontogeneia</i> sp.					X	Lai Vu-Hải Dương, Nha Trang
Họ Podoceridae						(1 giống, 1 loài)
<i>Podocerus</i> sp.					X	Dung Quất, Vũng Tàu
Họ Synopiidae						(1 giống, 1 loài)
<i>Pseudotiron</i> sp.					X	Nha Trang
Tổng cộng	8	9	41	16	57	
	71					

Ghi chú: 1. Đặng Ngọc Thanh (1965, 1967, 1968); 2. Dawydoff (1952); 3. Imbach (1967); 4. Masgulis (1968); 5. Đặng Ngọc Thanh và Lê Hùng Anh (2005-2007)

So với các kết quả nghiên cứu từ năm 1952 đến 1968 của các tác giả Dawydoff (1952)-9 loài; Đặng Ngọc Thanh (1965, 1967, 1968)-8 loài; Imbach (1967)-41 loài; Masgulis (1968)-16 loài và tổng số xác định được 71 loài, thì kết quả của nghiên cứu này đã thống kê và xác định được 57 loài, bổ sung thêm 19 loài (nâng tổng số thành phần loài Amphipoda-Gammaridae xác định được ở Việt Nam lên 90 loài).

Về phân bố theo vùng địa lý thì số lượng loài phân bố ở vùng biển ven bờ khu vực phía Nam và Nam Trung bộ Việt Nam là phong phú hơn khu vực phía Bắc, tần xuất gặp nhiều ở các khu vực Vịnh Nha Trang, Vũng Tàu.

Bảng 2

So sánh các taxon Amphipoda của Việt Nam với các nước trong khu vực

Khu vực	Họ	Giống	Loài
Đông Nam Á	48	113	272
Nam Trung Quốc	31	67	153
Việt Nam	20	43	90

So sánh thành phần loài Amphipoda-Gammaridae của Việt Nam với khu vực Đông Nam Á, thì số loài bằng 1/3. Còn so với khu vực Nam Trung Quốc thì số loài bằng 3/5.

III. KẾT LUẬN

Khu hệ giáp xác chân khác Amphipoda vùng biển ven bờ Việt Nam (từ 1952-2007) đã xác định được 20 họ, 43 giống và 90 loài. Trong đó một số công trình nghiên cứu gần đây (2005-2007) đã xác định được 19 họ, 27 giống, 57 loài.

Vùng biển ven bờ Nam Trung bộ (vịnh Nha Trang) và Đông Nam bộ (Vũng Tàu) có số loài phong phú. Số lượng loài Amphipoda-Gammaridae ở Việt Nam bằng 3/5 số loài ở nam Trung Quốc và bằng 1/3 số loài ở khu vực Đông Nam Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Barnard J. L.**, 1971: Smithsonian contributions to Zoology, 58: 1-135.
2. **Barnard J. L., G. S. Karaman**, 1991: Rec. Australian Museum. suppl., 13 (2): 419-866.
3. **Dang Ngoc Thanh**, 1968: Zoologicheskii Jurnal, XLVII (2): 212-221 (Russian).
4. **Đặng Ngọc Thanh, Lê Hùng Anh**, 2005: Tạp chí Sinh học, 27 (2): 1-7.
5. **Imbach M. C.**, 1967: NAGA Report, IV (1): 39-167. Pl. 1-33.
6. **Joanne Taylor**, 2002: Phuket Marine Biological Center Special Publication, 23 (1): 253-263.
7. **Lowey J. K.**, 2000: The Raffles Museum Bulletin of Zoology. Suppl., 8: 309-342.
8. **Margulis R. J. A.**, 1968: Zoologicheskii Jurnal, XLVII (10): 1480-1488. (Russian).
9. **Somchai Bussarawich**, 1985: Gammaridean Amphipoda from mangroves in Southern Thailand. Paper presented at the 5th seminar on Mangrove Ecosystem. Phuket.

SOME PRELIMINARY DATA ON SPECIES COMPOSITION OF GAMMARIDEAN AMPHIPODS IN COASTAL ZONE OF VIETNAM

Le Hung Anh, Dang Ngoc Thanh

SUMMARY

The Gammaridea-Amphipoda in coastal zone of Vietnam (from 1952 to present) has been determined to 20 families, 43 genera and 90 species. In recent work conducted from 2005 to 2007 by Dang Ngoc Thanh and Le Hung Anh, 19 families, 27 genera and 57 species were recorded, including two new species records for Vung Tau and Ninh Thuan provinces and one new species record for Thai Binh, Hai Phong and Thanh Hoa provinces.

The number of amphipod species is highest in southcentral Vietnam (Bay of Nha Trang) and southern Vietnam (Vung Tau). It represents 3/5 of the species number in South China and 1/3 of the species number in Southeast Asia.